

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/11/2021.

V/v “*Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T
và anh Võ Thanh T*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.

2. Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Cẩm Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST -HN ngày 09 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 26/2021/TB-TA ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp VĐ, xã VQT, huyện BD, tỉnh Bến Tre. (Chị Nguyễn Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Võ Thanh T, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VĐ, xã VQT, huyện BD, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2021 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau năm 2010, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VQT, huyện BD, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm và cũng từ đó chị và T không còn chung sống với nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Nguyễn Hồng N, sinh ngày 10/11/2011 và Võ Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 14/12/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Võ Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Đối với Thẩm phán chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Võ Thanh T.

Về con chung: Giao có 02 con chung tên Võ Nguyễn Hồng N, sinh ngày 10/11/2011 và Võ Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 14/12/2015 cho chị Tiếng tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng là 750.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T khai không có nên không xét đến.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, anh Võ Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng không có lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Võ Thanh T là phù hợp với Điều 227, 288 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T xác định do bất đồng quan điểm và cũng từ tháng 01/2020 chị và anh T không còn chung sống với nhau cho đến nay. Từ lúc ly thân nhau cho đến nay mỗi người đều có cuộc sống độc lập, không ai quan tâm đến ai, Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần, nhưng anh Tuấn không đến, anh Tuấn có ý thức bỏ mặc hôn nhân giữa anh và chị Tiếng. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa chị T với anh Tuấn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh T Có 02 con chung tên Võ Nguyễn Hồng N, sinh ngày 10/11/2011 và Võ Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 14/12/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tiếng có yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con theo luật định. Xét thấy, yêu cầu này của chị Tiếng phù hợp Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của con chung nên được chấp nhận. Do đó, tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi đứa là 750.000đ cho đến khi cháu N và cháu T tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T khai không có nên không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên, Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Võ Thanh T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Võ Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Nguyễn Hồng N, sinh ngày 10/11/2011 và Võ Nguyễn Ngọc T, sinh năm 14/12/2015 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Võ Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị T mỗi tháng mỗi cháu là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Võ Thanh T không trực tiếp nuôi con chung, có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trong thời gian con chung

chưa tròn 18 tuổi, chị Tiếng được quyền yêu cầu thay đổi mức cấp cấp dưỡng nuôi con, anh Tuấn được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T khai không có, nên không xét đến.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0006354 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vậy án phí chị T đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã Định Trung, huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn